

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH HỮU HIỆU CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Hải<sup>1\*</sup>, Bùi Văn Thụy<sup>1</sup>, Phan Tiến Dũng<sup>2</sup>, Nguyễn Thanh Tùng<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Dũng<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam  
<sup>2</sup>Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, 1888/1 Nguyễn Ái Quốc, P. Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam  
<sup>3</sup>Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, TT Dầu Giây, Thống Nhất, Đồng Nai, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: [nvhai@lhu.edu.vn](mailto:nvhai@lhu.edu.vn)

## THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 04/6/2023  
Ngày hoàn thiện: 17/6/2023  
Ngày chấp nhận: 15/8/2023  
Ngày đăng: 20/9/2023

## TỪ KHÓA

Hệ thống kiểm soát nội bộ;  
Tính hữu hiệu;  
Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

## TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, đánh giá sự tác động của các nhân tố đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB nhằm đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống KSNB giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định quản lý một cách hiệu quả. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phân tích nhân tố và hồi quy, dựa trên mẫu khảo sát từ 230 cá nhân tham gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy có tổng cộng 06 yếu tố có tác động tích cực đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. Các yếu tố này bao gồm môi trường kiểm soát (MTKS), đánh giá rủi ro (DGRR), hoạt động kiểm soát (HDKS), thông tin và truyền thông (TTTT), giám sát (GS) và bộ phận kiểm tra nội bộ (BPKTNB). Những kết quả này sẽ cung cấp cho ban lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Đồng Nai những thông tin cần thiết để thực hiện quản lý hiệu quả và cải thiện hệ thống KSNB.

# FACTORS AFFECTING THE EFFICIENCY OF INTERNAL CONTROL SYSTEM AT DONG NAI PROVINCE TAX DEPARTMENT

Nguyen Van Hai<sup>1\*</sup>, Bui Van Thuy<sup>1</sup> and Phan Tien Dung<sup>2</sup>, Nguyen Thanh Tung<sup>1</sup>, Nguyen Van Dung<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, St., Buu Long ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam  
<sup>2</sup>Dong Nai Provincial Tax Department, 1888/1 Nguyen Ai Quoc, Quang Vinh, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam  
<sup>3</sup>Mien Dong Innovative Technology University, National Highway 1A, Tran Hung Dao, Dau Giay, Thong Nhat, Dong Nai Province, Vietnam  
\*Corresponding Author: [nvhai@lhu.edu.vn](mailto:nvhai@lhu.edu.vn)

## ARTICLE INFO

Received: Jun 4, 2023  
Revised: Jun 17, 2023  
Accepted: Aug 15, 2023  
Published: Sep 20, 2023

## KEYWORDS

Internal control system;  
Effectiveness;  
Dong Nai Tax Department.

## ABSTRACT

This study aims to identify factors affecting the effectiveness of the internal control system at the Dong Nai Tax Department, thereby assessing the impact of factors on the effectiveness of the internal control system in order to make recommendations to contribute to improving the internal control system to help the management make effective decisions. Exploratory factor analysis and multivariate regression analysis methods were used across 230 field surveys. The research results show that there are six factors positively affecting the effectiveness of the internal control system at the Dong Nai Tax Department. These factors include: control environment, risk assessment, control activities, information and communication, monitoring and internal inspection department. These results will furnish the leadership of the Tax Department of Dong Nai Province with essential insights to facilitate effective management practices and improvements in the internal control system.

Doi: <https://doi.org/10.61591/jslhu.15.313>

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

## 1. GIỚI THIỆU

Cơ quan thuế đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập nguồn tài chính cho ngân sách quốc gia, quản lý và thu thuế từ hoạt động kinh doanh và thu nhập cá nhân, đồng thời đảm bảo tuân thủ pháp luật và khuyến khích công bằng trong hệ thống thuế. Các cơ quan thuế, bao gồm Tổng cục Thuế và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, có nhiệm vụ chính là đảm bảo nguồn thu cho ngân sách và là cơ quan chuyên môn về thuế trong hệ thống Nhà nước.

Cục Thuế Đồng Nai có trách nhiệm quản lý thuế và nhiệm vụ khác liên quan đến thuế trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện tốt trong thời kỳ hội nhập, ngành thuế đã tiến hành cải cách thủ tục, tinh giản biên chế và ứng dụng công nghệ 4.0 để hỗ trợ doanh nghiệp. Công việc tuyên truyền, hỗ trợ kế toán thuế, thanh tra và kiểm tra thuế đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý thuế, ngăn chặn thất thoát và đảm bảo nguồn thu bền vững.

Hoạt động KSNB tại cơ quan thuế nhằm quản lý, giám sát và khắc phục sự cố thuế, đồng thời giảm thiểu thất thoát thuế và ngăn chặn tham nhũng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại vướng mắc và hạn chế liên quan đến công tác KSNB tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, ảnh hưởng đến hiệu suất quản lý thuế. Mục tiêu là xây dựng một hệ thống KSNB hiệu quả để thực hiện đúng quy định và không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Với tầm quan trọng của vấn đề này, đề tài được thực hiện tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

### 2.1 Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát trong hệ thống kiểm soát nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ trong hoạt động của tổ chức. Đây là một khía cạnh không thể thiếu để đảm bảo rằng các quy trình và hoạt động của tổ chức diễn ra theo đúng các quy định, chính sách và tiêu chuẩn đề ra. MTKS thể hiện thông qua tính chính trực, giá trị đạo đức, cam kết đối với năng lực, triết lý và phong cách quản lý của lãnh đạo, cấu trúc tổ chức, cùng việc phân chia quyền hạn và trách nhiệm. Bằng cách thiết lập môi trường kiểm soát tốt, tổ chức có khả năng phát hiện và ngăn chặn kịp thời các rủi ro, lạm dụng và sai phạm. MTKS cũng đòi hỏi việc thiết lập các chính sách và quy trình rõ ràng, đồng thời thường xuyên kiểm tra và cập nhật chúng để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp. Việc đào tạo nhân viên về môi trường kiểm soát cũng là một phần quan trọng để đảm bảo họ hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định và quy trình. Trong một tổ chức có môi trường kiểm soát mạnh mẽ, việc đánh giá và giám sát liên tục sẽ giúp xác định các điểm yếu và cải thiện hiệu suất tổ chức [2], [6].

### 2.2 Đánh giá rủi ro

Hệ thống KSNB là một công cụ quan trọng giúp tổ chức đạt được mục tiêu của mình một cách hiệu quả và bảo vệ chính nó khỏi những rủi ro tiềm ẩn. Tuy nhiên, mục tiêu của tổ chức thường thay đổi theo thời gian và môi trường hoạt động cũng có sự thay đổi liên tục, do đó việc đánh giá rủi ro cần được thực hiện thường xuyên để đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của tổ chức.

Để hoạt động đánh giá rủi ro đạt hiệu suất cao thì nhà quản trị cần làm rõ các mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp

trong từng giai đoạn khác nhau. Tiếp theo, cần nhận diện và phân tích mọi loại rủi ro từ cả bên trong và bên ngoài tổ chức, đồng thời đánh giá tác động của rủi ro lên các mục tiêu của tổ chức. Quá trình này bao gồm việc xác định rủi ro cần tránh, rủi ro có thể giảm thiểu và rủi ro có thể chấp nhận do không thể loại bỏ hoàn toàn. Cuối cùng, cần xác định những biện pháp xử lý phù hợp cho từng loại rủi ro. Các biện pháp này bao gồm: phân tán rủi ro, chấp nhận rủi ro, tránh né rủi ro và hạn chế rủi ro. Tầm quan trọng của việc đánh giá và kiểm soát rủi ro rất cao, bởi vì rủi ro có thể ảnh hưởng đến sự tồn tại của mỗi đơn vị, đến sự thành công, tình hình tài chính và danh tiếng của tổ chức.

Tuy nhiên, cần nhớ rằng không thể loại trừ hết tất cả rủi ro. Do đó, nhà quản lý phải đưa ra một lựa chọn đúng đắn nhất liên quan đến khả năng chấp nhận rủi ro mà tổ chức mình có thể chịu được. Điều này đảm bảo rằng tổ chức vẫn có thể chấp nhận được mức độ rủi ro và hoạt động được trong bối cảnh đó.

### 2.3 Hoạt động kiểm soát

Hoạt động kiểm soát là một phần quan trọng trong quản lý và vận hành của mọi tổ chức. Nó bao gồm chuỗi các hành động được thực hiện nhằm đảm bảo tính chính xác, hiệu quả và tuân thủ trong hoạt động kinh doanh. Hoạt động kiểm soát không chỉ đảm bảo rằng các mục tiêu và chuẩn mực của tổ chức có thể đạt được, mà còn giúp ngăn chặn và phát hiện sự cố, sai sót, hoặc hành vi gian lận. Các hoạt động kiểm soát thường gặp trong một hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm: Kiểm tra và xác minh, Phân tích rủi ro, chứng từ hóa, kiểm tra nội bộ, điều tra và phân tích sai phạm, giám sát liên tục, đảm bảo chất lượng, đào tạo và nâng cao nhận thức, phản hồi và cải thiện. Tất cả những hoạt động này đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ trong hệ thống kiểm soát nội bộ của một tổ chức [6].

### 2.4 Thông tin và truyền thông

Một thành phần quan trọng không thể thiếu của một tổ chức trong quá trình ra quyết định điều hành chính là thông tin. Việc thu thập, xử lý và truyền tải thông tin đúng cách là rất quan trọng để đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra dựa trên các dữ liệu chính xác và đầy đủ [2].

Hệ thống thông tin kế toán là một phần rất quan trọng của hệ thống thông tin trong tổ chức. Nó cung cấp thông tin về tài chính của tổ chức, bao gồm các thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Nhờ đó, quản lý có thể đưa ra các quyết định một cách chính xác và kịp thời [7].

Truyền thông là một phần quan trọng của hệ thống thông tin và nó giúp đảm bảo rằng thông tin được truyền tải đúng cách và đến đúng người. Truyền thông hiệu quả là yếu tố đặc biệt quan trọng trong việc giữ liên lạc giữa các bộ phận khác nhau trong tổ chức, giữa tổ chức và bên ngoài. Việc truyền thông bên ngoài cũng rất quan trọng, vì nó cung cấp các yếu tố đầu vào và có ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu của tổ chức. Các kênh truyền thông phải được sử dụng một cách hiệu quả, đảm bảo thông tin được truyền tải đầy đủ và chính xác [4], [7].

### 2.5 Giám sát

Việc giám sát đóng một tầm quan trọng không thể bỏ qua trong hệ thống kiểm soát nội bộ của các tổ chức. Mục tiêu

chính của giám sát là đảm bảo tính hiệu quả và chất lượng của HTKSNB. Quá trình giám sát được tiến hành thường xuyên hoặc theo định kỳ. Việc giám sát định kỳ thường áp dụng cho những hoạt động thường xuyên và lặp đi lặp lại của tổ chức. Tuy nhiên, tần suất và phạm vi của giám sát định kỳ có thể biến đổi dựa vào mức độ nguy cơ và hiệu quả của việc thực hiện giám sát thường xuyên. Khi GS thường xuyên được thực hiện một cách hiệu quả, nhiệm vụ giám sát định kỳ sẽ trở nên đơn giản hơn và cũng có thể giảm tần suất thực hiện [1], [2].

## **2.6 Bộ phận kiểm tra nội bộ**

Bộ phận kiểm tra nội bộ (KTNB) là một bộ phận hoạt động độc lập trong một tổ chức, có nhiệm vụ đánh giá và đảm bảo tính hiệu quả của HTKSNB của tổ chức. Bộ phận KTNB đảm bảo rằng các quy trình và chính sách kiểm soát nội bộ được thiết lập và thực hiện đúng cách, các hoạt động của tổ chức tuân thủ các quy định và quy trình liên quan đến kiểm soát nội bộ [7].

Bộ phận KTNB thường bao gồm các chuyên gia và nhân viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm soát nội bộ, bao gồm cả kiểm toán viên nội bộ và chuyên gia phân tích tài chính. Công việc của bộ phận KTNB bao gồm việc tiến hành kiểm tra, đánh giá và phân tích hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức, và đưa ra các khuyến nghị để cải thiện chất lượng kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, bộ phận KTNB còn đảm nhiệm việc đào tạo và tư vấn cho các bộ phận khác trong tổ chức về các vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ [6].

## **2.7 Tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ**

Mỗi tổ chức sở hữu hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) riêng và mức hiệu quả của nó cũng không đồng nhất. Thực tế, HTKSNB cụ thể thay đổi theo thời gian. Theo chuẩn INTOSAI 2013, hiệu quả của HTKSNB định lượng qua bốn mục tiêu: tăng cường hiệu quả, tính kinh tế, đạo đức và trách nhiệm giải trình; đồng thời, tuân thủ pháp luật, bảo vệ nguồn lực khỏi tổn hại. Để đánh giá hiệu quả HTKSNB trong ngành công, tuân thủ hướng dẫn INTOSAI 2013 và đánh giá năm thành phần của HTKSNB là cần thiết. Cần kiểm tra xem các thành phần có hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu INTOSAI 2013 hay không. Tuy điều này không đồng nghĩa với việc các thành phần phải hoạt động đồng nhất hoặc có mức hiệu quả tương tự. Sự cân bằng tự nhiên giữa các thành phần HTKSNB hợp lý, vì chúng phục vụ nhiều mục đích và kiểm soát tại một thành phần có thể phục vụ cho yêu cầu của thành phần khác.

Với các cơ quan thuế, HTKSNB hiệu quả đòi hỏi đáp ứng các mục tiêu như quản lý nguồn thu hiệu quả và đạo đức, cung cấp báo cáo chính xác và đáng tin cậy, giảm thiểu rủi ro, gian lận và mất mát nguồn thu của nhà nước, tuân thủ pháp luật và quy định, cũng như cung cấp cơ chế phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả [7].

## **2.8 Các nghiên cứu trước đây**

Đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB. Nghiên cứu tính hiệu quả của KSNB trong quản lý rủi ro tại DN trong khu vực công và kết quả cho thấy các tổ chức khu vực công thường quan tâm đến lợi ích công chúng hơn là lợi nhuận và KSNB là công cụ hiệu quả để quản lý rủi ro và xây dựng chính sách chiến lược [10].

Nghiên cứu đã xác định tác động của kiểm soát nội bộ và vai trò kiểm tra nội bộ đối với hoạt động chính quyền địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả KSNB và vai trò kiểm tra nội bộ có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý tài chính của cơ quan quản lý của địa phương [10].

Nghiên cứu được thực hiện nhằm kiểm tra sự ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả quản lý khu vực công tại miền Nam Sumatera. Kết quả nghiên cứu cho thấy KSNB và chất lượng báo cáo tài chính có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả công tác quản lý [1].

Nghiên cứu sự tác động của HTKSNB đối với quản lý tài chính của tổ chức phi chính phủ tại Mogadishu, Somalia. Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát đóng vai trò quan trọng trong quản lý tài chính [6].

Nghiên cứu được thực hiện tại Chi cục Thuế quận 9 nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống KSNB và hoạt động thu thuế tại Chi cục Thuế quận 9. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ ảnh hưởng đến hoạt động thu thuế và đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả KSNB [9].

Nghiên cứu tại cơ quan thuế ở TP. Hồ Chí Minh thông qua áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thu thuế. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sáu yếu tố tác động đến tính hữu hiệu của Hệ thống Kiểm soát Nội bộ trong các chi cục thuế trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Các yếu tố này bao gồm: đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, môi trường kiểm soát, giám sát, bộ phận kiểm tra nội bộ và hoạt động kiểm soát. Dựa trên những kết quả này, nhóm tác giả đã đề xuất một loạt giải pháp nhằm cải thiện tính hữu hiệu của HTKSNB tại các cơ quan chi cục thuế trong TP. Hồ Chí Minh [4].

Các nghiên cứu trên cho thấy kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả công tác thu thuế và quản lý tài chính. Các yếu tố như giám sát, kiểm soát rủi ro và thông tin truyền thông đóng vai trò quan trọng. Điều này có ý nghĩa chính sách quan trọng, giúp nâng cao hiệu quả công tác thu thuế, chống thất thu và đảm bảo nguồn thu cho thành phố và cả nước.

## **2.9 Mô hình nghiên cứu đề xuất**

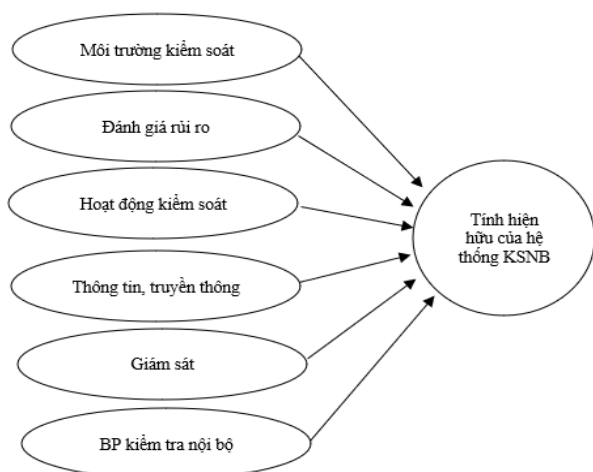
Dựa trên việc kế thừa lý thuyết và kết quả các nghiên cứu trước đây, nhóm nghiên cứu đã đề xuất mô hình về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai như hình 1. Mô hình bao gồm các yếu tố chính sau:

Môi trường kiểm soát (MTKS): Yếu tố này đại diện cho tính kỷ luật, tuân thủ pháp luật, văn bản hướng dẫn của ngành và đạo đức trong cách ứng xử và tinh thần trách nhiệm công việc. Mỗi cán bộ được phân công sẽ được kiểm tra và đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban Lãnh đạo sẽ đề ra các nhiệm vụ cụ thể và mỗi cán bộ phải đảm bảo thực hiện chúng. Vai trò của nhà quản lý trong môi trường kiểm soát là rất quan trọng, môi trường kiểm soát đóng vai trò là điều kiện tiên quyết và nền tảng cho hoạt động của hệ thống KSNB [4], [6], [9].

H1: Môi trường kiểm soát có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Đánh giá rủi ro (DGRR): Yếu tố này tập trung vào việc đánh giá các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu và nhiệm vụ của tổ chức. Việc phân tích và đánh giá các rủi ro là cần thiết để nhận biết các rủi ro chủ yếu và tập trung nguồn lực vào chúng. Đồng thời, việc đánh giá rủi ro cũng cần được thực hiện một cách khách quan, tránh sự chủ quan và cảm tính để không ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống KSNB của đơn vị [4], [7], [9].

H2: Môi trường kiểm soát có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.



**Hình 1.** Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động kiểm soát (HDKS) trong một tổ chức bao gồm việc đảm bảo thực hiện các chỉ thị của nhà quản lý thông qua việc áp dụng các chính sách và thủ tục kiểm soát trong các mức độ và chức năng khác nhau. HDKS cũng bao gồm cả hoạt động kiểm soát phòng ngừa và phát hiện rủi ro. Để đảm bảo sự cân đối giữa các quy trình kiểm soát phòng ngừa và phát hiện, tổ chức cần tiến hành việc kết hợp các hoạt động kiểm soát nhằm hạn chế, bổ sung và tăng cường tương tác giữa các thủ tục kiểm soát.

H3: Hoạt động kiểm soát có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Thông tin và truyền thông (TTTT) đóng vai trò quan trọng trong HTKSNB của một tổ chức. Thông tin bao hàm các hướng dẫn, chính sách và thủ tục của tổ chức, được truyền đạt thông qua hệ thống thông tin. Hệ thống thông tin kế toán xuất hiện là một thành phần quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, cung cấp thông tin liên quan đến các giao dịch tài chính và kế toán.

H4: Thông tin và truyền thông có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Giám sát (GS) là hoạt động quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ để đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động kiểm soát và xác định các điểm yếu của hệ thống. Việc giám sát thường xuyên giúp người quản lý hiểu rõ hơn

về tình hình hoạt động của tổ chức và có thể đưa ra các điều chỉnh cần thiết để cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Xem xét các phát hiện kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán viên cũng giúp cải thiện tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và tăng cường sự đáng tin cậy của thông tin tài chính.

H5: Giám sát có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Bộ phận kiểm tra nội bộ (BPKTNB) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ. BPKTNB có nhiệm vụ độc lập và khách quan trong việc đánh giá và kiểm tra các hoạt động kiểm soát nội bộ của tổ chức. Bằng cách thực hiện các kiểm tra và đánh giá, BPKTNB có thể xác định sự hiệu quả và tính chính xác của các hoạt động kiểm soát, đồng thời phát hiện các điểm yếu và rủi ro trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

H6: Bộ phận kiểm tra nội bộ có mối quan hệ cùng chiều với tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1 Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi

Từ mô hình lý thuyết đo lường tính hữu hiệu của hệ thống KSNB và các kết quả nghiên cứu trước đây, nhóm nghiên cứu đã xây dựng 24 thang đo các yếu tố ảnh hưởng và 5 thang đo tính hữu hiệu của hệ thống KSNB. Bảng hỏi được xây dựng bao gồm thông tin cá nhân của cán bộ nhân viên và mức độ đồng ý các phát biểu liên quan tới các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu sử dụng thang đo likert 5 mức độ: Mức 1- Rất không đồng ý đến mức 5 - Rất đồng ý.

#### 3.2 Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trực cán bộ, lãnh đạo làm việc tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai từ ngày 15/10 đến 15/12/2022. Số liệu sau đó được nhóm tác giả tổng hợp và phân tích thông qua phần mềm SPSS.

Để đảm bảo dữ liệu mẫu được chọn có tính chất chung cho tổng thể thì kích thước phải tối thiểu bằng 5 lần số lượng biến thang đo trong mô hình và không được nhỏ hơn 100. Vì vậy, kích thước mẫu tối thiểu là 195 là kích thước đảm bảo nguyên tắc thống kê. Từ đó, để đảm bảo được kích thước mẫu tác giả tiến hành phát ra 252 phiếu và thu về được 230 phiếu hợp lệ. Số lượng mẫu khảo sát 230 là hoàn toàn phù hợp [8].

#### 3.3 Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để đánh giá chất lượng dữ liệu khảo sát từ cán bộ, lãnh đạo Cục thuế. Các biến thang đo sẽ được kiểm định bằng thang đo Cronbach's Alpha để loại bỏ những biến thang đo không tin cậy và đảm bảo tính nhất quán giữa các biến thang đo trong cùng một yếu tố. Sau đó, các biến thang đo đạt yêu cầu sẽ tiếp tục được phân tích bằng phương pháp khám phá nhân tố (EFA) để loại bỏ những thang đo không phù hợp hoặc các câu hỏi trùng lặp trong cùng một nhóm câu hỏi.

Phương pháp phân tích hồi quy bội được sử dụng nhằm kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu. Phương pháp này



được dùng để phân tích mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Phân tích hồi quy nhằm ước lượng giá trị của biến phụ thuộc dựa trên giá trị của các biến độc lập và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu được thiết lập ban đầu.

#### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

##### 4.1 Kiểm định Cronbach's Alpha

Nhằm kiểm tra sự chặt chẽ và tương quan giữa các biến quan sát, loại bỏ những biến thang đo không phù hợp trong mô hình nghiên cứu, kiểm định Cronbach's Alpha được thực hiện. Các biến thang đo thỏa mãn giá trị Corrected Item - Total Correlation > 0.3 và Cronbach's Alpha > 0.7 sẽ được giữ lại trong nghiên cứu [8].

Kết quả hệ số Corrected Item Total Correlation ở bảng 1 cho các biến thang đo đều lớn hơn 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha > 0.7. [8] Điều này chứng tỏ 24 biến thang sử dụng làm thang đo đại diện cho 6 yếu tố là hoàn toàn phù hợp.

**Bảng 1:** Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Yếu tố	Thang đo	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha
Môi trường kiểm soát (MTKS)	MTKS1	0.776	0.789
	MTKS2	0.729	
	MTKS3	0.724	
	MTKS4	0.767	
	MTKS5	0.787	
	MTKS6	0.756	
Đánh giá rủi ro (DGRR)	DGRR1	0.749	0.786
	DGRR2	0.768	
	DGRR3	0.758	
	DGRR4	0.760	
	DGRR5	0.761	
	DGRR6	0.763	
	DGRR7	0.749	
Hoạt động Kiểm soát (HDKS)	HDKS1	0.797	0.844
	HDKS2	0.836	
	HDKS3	0.82	
	HDKS4	0.827	
	HDKS5	0.812	
	HDKS6	0.818	
Thông tin và truyền thông (TTTT)	TTTT1	0.866	0.886
	TTTT2	0.871	
	TTTT3	0.867	
	TTTT4	0.868	
	TTTT5	0.860	
	TTTT6	0.864	
Giám sát (GS)	GS1	0.767	0.787
	GS2	0.756	
	GS3	0.755	
	GS4	0.742	
	GS5	0.757	
	GS6	0.752	
Bộ phận kiểm tra nội bộ (BPKTNB)	BPKTNB1	0.757	0.825
	BPKTNB2	0.717	
	BPKTNB3	0.796	
Tính hữu hiệu của hệ thống KSNB (THH)	THH1	0.843	0.872
	THH2	0.837	
	THH3	0.846	
	THH4	0.844	
	THH5	0.854	

##### 4.2 Phân tích nhân tố EFA

###### - Phân tích nhân tố EFA cho biến độc lập:

Các biến thang đo đạt yêu cầu sau khi kiểm định Cronbach's Alpha sẽ tiếp tục phân tích EFA, kết quả như sau:

**Bảng 2:** Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's

Hệ số KMO	Chi số Chi-Square	df	Sig.
0.876	3434.207	561	0.000

Kết quả bảng 2 cho thấy, Sig. = 0.000 < 5% điều đó chứng tỏ tồn tại mối quan hệ giữa các biến với nhau. Hệ số KMO lớn hơn 0.5 cho thấy mức độ ý nghĩa của tập hợp dữ liệu đưa vào phân tích nhân tố rất cao, nghĩa là mô hình phân tích nhân tố hoàn toàn phù hợp.

**Bảng 3:** Kết quả xoay ma trận nhân tố

	Thành phần					
	1	2	3	4	5	6
TTTT5	0.770					
TTTT4	0.762					
TTTT6	0.756					
TTTT1	0.752					
TTTT3	0.715					
TTTT2	0.702					
HDKS1		0.828				
HDKS5		0.765				
HDKS3		0.733				
HDKS6		0.732				
HDKS4		0.702				
HDKS2		0.660				
DGRR1			0.707			
DGRR7			0.659			
DGRR4			0.638			
DGRR3			0.612			
DGRR2			0.608			
DGRR1			0.707			
DGRR5			0.601			
DGRR6			0.587			
GS4				0.673		
GS5				0.671		
GS3				0.668		
GS6				0.661		
GS2				0.605		
GS1				0.591		
MTKS2					0.854	
MTKS3					0.828	
MTKS1					0.614	
MTKS4					0.603	
MTKS6					0.602	
MTKS5					0.548	
BPKSNB2						0.743
BPKSNB1						0.704
BPKSNB3						0.674

Kết quả bảng 3, các biến thang đo đều có hệ số Factor Loading > 0.5, chứng tỏ 24 biến thang đo được gom thành 6 yếu tố hoàn toàn phù hợp và được sử dụng trong phân tích tiếp theo.

Kết quả phân tích EFA cũng cho thấy có 6 yếu tố được rút trích với giá trị Eigenvalue = 1.316 và tổng phương sai trích là 77.055%, nghĩa là 6 yếu tố này giải thích được 77.055% sự biến động của dữ liệu.

###### - Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc:

**Bảng 4:** Hệ số KMO cho biến phụ thuộc

Hệ số KMO	Chi số Chi-Square	df	Sig.
0.871	569.441	10	0.000

Kết quả bảng 4 cho thấy Sig. = 0.000 < 5% điều đó chứng tỏ tồn tại mối quan hệ giữa các biến với nhau trong tổng thể. Hệ số KMO = 0.871 > 0.5 cho thấy phân tích nhân tố EFA cho biến phụ thuộc là hoàn toàn phù hợp.

Kết quả phân tích EFA chỉ ra rằng tất cả các điều kiện về phân tích nhân tố khám phá đều phù hợp, cụ thể: hệ số tải nhân tố > 0,5; giá trị trích Eigenvalue >1 và tổng phương sai trích đạt 66,2%.

**Bảng 5:** Kết quả xoay ma trận nhân tố biến phụ thuộc

Thành phần (Component)	
1	
THH5	0.854
THH1	0.843
THH2	0.802
THH4	0.795
THH3	0.784

### 4.3 Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định

Phân tích hồi quy đa biến được thực hiện với biến được giải thích là THH và 6 biến giải thích bao gồm: MTKS, DGRR, HDKS, TTTT, GS, BPKTNB.

**Bảng 6:** Kết quả hồi quy

Model	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Hệ số VIF
	B	Sai số chuẩn				
Constant	-0.300	0.192		-1.567	0.118	
MTKS	0.062	0.041	0.057	1.511	0.132	1.191
DGRR	0.261	0.044	0.238	5.992	0.000	1.294
HDKS	0.095	0.035	0.098	2.689	0.008	1.093
TTTT	0.395	0.039	0.459	10.026	0.000	1.725
GS	0.106	0.054	0.084	1.962	0.051	1.495
BPKTNB	0.203	0.045	0.207	4.486	0.000	1.748

Kết quả mô hình hồi quy được thể hiện lại như sau:

$$THH = 0.057MTKS + 0.238DGRR + 0.098HDKS + 0.459TTTT + 0.084GS + 0.207KTNB \quad (1)$$

Kết quả cho thấy, các hệ số hồi quy liên quan đến các biến giải thích đều dương và có hệ số Sig. < 5%, điều này thể hiện rằng các biến độc lập có tác động tích cực đến biến THH và đạt mức ý nghĩa thống kê 5%.

#### \* Kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến:

Bảng 6 cũng cho thấy các hệ số VIF đều có giá trị nhỏ và nhỏ hơn 2. Điều này chứng tỏ không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy xây dựng được, hay nói cách khác mối quan hệ giữa các biến giải thích không ảnh hưởng nhiều đến kết quả giải thích của mô hình đã xây dựng.

#### \* Kết quả kiểm định hiện tượng tự tương quan:

**Bảng 7:** Kết quả tóm lược của mô hình (Model Summary<sup>b</sup>)

Model	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số tiêu chuẩn	Hệ số Durbin-Watson
1	0.838 <sup>a</sup>	0.702	0.695	0.4035	1.763

Bảng 7, cho ta thấy hệ số Durbin-Watson nằm trong khoảng giá trị từ 1 đến 3, chứng tỏ mô hình hồi quy không xảy ra hiện tượng tự tương quan.

#### \* Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình:

Bảng 7, cho ta thấy chỉ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0.695, nghĩa là 69.5% sự thay đổi tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai được giải thích bởi: MTKS, DGRR, HDKS, TTTT, GS, BPKTNB.

## 5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đất nước cần nhiều nguồn lực tài chính để phát triển, việc tổ chức thu thuế đóng vai trò quan trọng trong tăng thu ngân sách. Tuy nhiên, công tác thu thuế đang gặp nhiều rủi ro và gian lận, do đó, việc kiểm soát rủi ro để thu thuế hiệu quả là cần thiết. Hệ thống kiểm soát nội bộ được coi là công cụ quan trọng để giảm thiểu rủi ro. Nghiên cứu này đưa ra một cái nhìn toàn diện về những vấn đề liên quan đến hiệu suất của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế. Trong tâm điểm của nghiên cứu là việc xác định các yếu tố góp phần vào hiệu suất của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai và đề xuất một số khuyến nghị nhằm tối ưu hóa hệ thống này. Tuy nhiên, nghiên cứu này có hạn chế về số lượng mẫu và phạm vi địa lý, do đó những nghiên cứu sắp tới có thể tăng cường phạm vi và số lượng mẫu để đảm bảo tính chính xác hơn. Hướng đi cho những nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi đối tượng nghiên cứu và đề xuất những yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến tính hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ.

## 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Afiah, N. N., & Azwari, P. C. "The effect of the implementation of government internal control system (GICS) on the quality of financial reporting of the local government and its impact on the principles of good governance: A research in district, city, and provincial government in South Sumatera". *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 2015, 211, 811-818.
- [2] Babatunde, S. A., & Dandago, K. I. "Internal control system deficiency and capital project mis-management in the Nigerian public sector". *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 2014, 164, 208-221.
- [3] Badara, M. a. S., & Saidin, S. Z. "The relationship between audit experience and internal audit effectiveness in the public sector organizations". *International Journal of Academic Research in Accounting, Finance and Management Sciences*, 2013, 3 (3), 329-339.
- [4] Nguyễn Thị Thanh Tý, Phan Phước Quốc Trun. "Nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ của các chi cục thuế tại TP Hồ Chí Minh". *Tạp chí Tài chính*. Số tháng 6/2022, 155-157, 2022.
- [5] Hanim Fadzil, F., Haron, H., & Jantan, M., "Internal auditing practices and internal control system". *Managerial auditing journal*, 2005, 20 (8), 844-866.
- [6] MM. Mohamed, "Internal control system and financial management in selected local Non-Government Organizations in Mogadishu", *Somalia. Kampala International University, College Of Economics And Management*, 2018.
- [7] Morim, A. C. V. P., Inácio, H., & Vieira, E. Internal Control in a Public Hospital: The Case of Financial Services Expenditure Department Handbook of Research on Modernization and Accountability in Public Sector Management, 2018, (pp. 77-102): IGI Global.
- [8] Nguyễn Đình Thọ. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. *Nhà xuất bản Lao động-Xã hội*, 2011, 593.
- [9] Trần Quảng Ninh. Các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Công Thương*, Số 14, tháng 6 năm 2020.
- [10] Vijayakumar, A., & Nagaraja, N. "Internal Control Systems: Effectiveness of Internal Audit in Risk Management at Public Sector Enterprises". *BVIMR Management edge*, 2012, 5(1).